

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU
NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CẢNH VỆ NĂM 2017

Luật Cảnh vệ được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2017, với 6 chương 33 điều, chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 03/7/2017 (Lệnh số 09/2017/L-CTN). Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2018.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Việc ban hành Luật xuất phát từ các lý do chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, việc xây dựng Luật Cảnh vệ nhằm cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013¹, bảo đảm cho hoạt động giữ gìn an ninh, trật tự của lực lượng Cảnh vệ được thuận lợi, đồng thời, bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thực hiện theo đúng quy định của Hiến pháp năm 2013.

Thứ hai, yêu cầu đối với công tác cảnh vệ ngày càng nặng nề, tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở trong nước và trên thế giới diễn biến hết sức phức tạp, cần có các quy định cụ thể tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho lực lượng Cảnh vệ thực thi nhiệm vụ, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới

Thứ ba, cần xây dựng Luật để đảm bảo hành lang pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi để lực lượng Cảnh vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do nhiều luật, pháp lệnh mới được ban hành như Luật Trưng mua, trưng dụng, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Phí và lệ phí... có một số quy định chưa thống nhất với Pháp lệnh như: các quy định về huy động phương tiện, tài sản, việc miễn phí cầu đường cho đối tượng cảnh vệ, mang, sử dụng vũ khí trên tàu bay....

¹ "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"

Thứ tư, qua 10 năm triển khai thi hành, Pháp lệnh đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần phải được hoàn thiện, cụ thể như:

- Pháp lệnh chưa quy định rõ về trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ giữa Bộ Công an với các bộ, ngành liên quan, giữa lực lượng Cảnh vệ với các cơ quan của Việt Nam trên lãnh thổ nước ngoài. Hiện nay, việc thực hiện phối hợp này chủ yếu áp dụng theo quy chế phối hợp nên việc tổ chức phương án cảnh vệ còn bị động, lúng túng.

- Các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và công dân đối với công tác cảnh vệ còn chung chung, khó thực hiện; chưa quy định cụ thể về chế độ, chính sách của Nhà nước đối với cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng, tài sản trong khi tham gia phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ.

- Pháp lệnh chưa quy định cụ thể nội dung, biện pháp và trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong thực hiện quản lý nhà nước về công tác cảnh vệ; chưa quy định về hợp tác quốc tế trong công tác cảnh vệ.

Từ những lý do nêu trên, việc nghiên cứu xây dựng, ban hành Luật Cảnh vệ là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

Luật được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Quán triệt và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Việc xây dựng Luật được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh, khắc phục

những tồn tại, bất cập, hạn chế, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh vệ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

3. Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn cho công tác cảnh vệ; bảo đảm pháp luật cảnh vệ có sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

4. Phù hợp với điều ước quốc tế liên quan, tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và hoạt động Cảnh vệ của một số nước phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật Cảnh vệ gồm 06 chương, 33 điều, cụ thể như sau:

- **Chương I. Những quy định chung**, gồm 09 điều (từ Điều 1 đến Điều 9), quy định phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; vị trí, chức năng của lực lượng Cảnh vệ; nguyên tắc công tác cảnh vệ; chính sách đối với lực lượng Cảnh vệ và công tác cảnh vệ; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ; hợp tác quốc tế trong công tác cảnh vệ; các hành vi bị nghiêm cấm trong công tác cảnh vệ.

- **Chương II. Đối tượng cảnh vệ, biện pháp và chế độ cảnh vệ**, gồm 06 điều (từ Điều 10 đến Điều 15), quy định về đối tượng cảnh vệ; biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với người giữ chức vụ, chức danh cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam; biện pháp cảnh vệ đối với khu vực trọng yếu; biện pháp cảnh vệ đối với sự kiện đặc biệt quan trọng; quyền và trách nhiệm của người là đối tượng cảnh vệ.

- **Chương III. Lực lượng cảnh vệ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của lực lượng Cảnh vệ và chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ**, gồm 08 điều (từ Điều 16 đến Điều 23), quy định về lực lượng Cảnh vệ; điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn người vào lực lượng Cảnh vệ; nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ; nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ; quyền hạn của Tư

lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội, cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ trong khi thi hành nhiệm vụ cảnh vệ; quy định nổ súng khi thi hành nhiệm vụ; huy động người, phương tiện để thực hiện công tác cảnh vệ; chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ.

- **Chương IV. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác cảnh vệ**, gồm 07 điều (từ Điều 24 đến Điều 30), quy định về trách nhiệm của Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- **Chương V. Khen thưởng và xử lý vi phạm**, gồm 02 điều (Điều 31 và Điều 32), quy định về khen thưởng; xử lý vi phạm.

- **Chương VI. Điều khoản thi hành**, gồm 01 điều (Điều 33) quy định về hiệu lực thi hành.

IV NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Cảnh vệ (sau đây viết gọn là Luật) quy định về đối tượng cảnh vệ, nguyên tắc, công tác cảnh vệ; biện pháp, chế độ cảnh vệ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của lực lượng Cảnh vệ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác cảnh vệ; chế độ, chính sách đối với lực lượng Cảnh vệ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cảnh vệ. So với Pháp lệnh, Luật đã quy định phạm vi điều chỉnh theo hướng rõ ràng, đầy đủ các phạm vi điều chỉnh trong Luật, cụ thể quy định về chế độ, chính sách đối với lực lượng Cảnh vệ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cảnh vệ vào trong phạm vi điều chỉnh của Luật.

1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

Luật áp dụng đối với đối tượng cảnh vệ, lực lượng Cảnh vệ, cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến hoạt động cảnh vệ. So với Pháp lệnh, Luật đã quy định đối tượng áp dụng theo hướng rõ ràng, đầy đủ các đối tượng áp dụng trong Luật, cụ thể quy định đối tượng cảnh vệ và lực lượng Cảnh vệ thuộc đối tượng áp dụng của Luật.

1.3. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Luật giải thích các từ ngữ: cảnh vệ; công tác cảnh vệ; đối tượng cảnh vệ; biện pháp cảnh vệ; bảo vệ tiếp cận; cán bộ chiến sĩ cảnh vệ trên cơ sở kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành. So với Pháp lệnh, Luật giải thích thêm 04 thuật ngữ, đó là: biện pháp cảnh vệ; đối tượng cảnh vệ; bảo vệ tiếp cận; cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ. Cụ thể như sau:

Biện pháp cảnh vệ là phương pháp, cách thức mà lực lượng Cảnh vệ được áp dụng để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi của con người và các yếu tố khác xâm hại đến sự an toàn của đối tượng cảnh vệ.

Đối tượng cảnh vệ là người giữ chức vụ, chức danh cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam; khu vực trọng yếu; sự kiện đặc biệt quan trọng được áp dụng các biện pháp, chế độ cảnh vệ theo quy định của Luật này.

Bảo vệ tiếp cận là biện pháp cảnh vệ do sĩ quan cảnh vệ đảm nhiệm, được tiến hành thường xuyên, trực tiếp nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối trong mọi tình huống cho đối tượng cảnh vệ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Luật này.

Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ bao gồm: sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ cảnh vệ thuộc Bộ Công an; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ cảnh vệ thuộc Bộ Quốc phòng.

1.4. Về vị trí, chức năng của lực lượng Cảnh vệ (Điều 4)

Đây là quy định mới của Luật so với Pháp lệnh, theo đó Luật quy định lực lượng Cảnh vệ là lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có chức năng thực hiện công tác cảnh vệ để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ.

1.5. Về nguyên tắc công tác Cảnh vệ (Điều 5)

Kế thừa quy định tại Điều 4 Pháp lệnh, Luật quy định về nguyên tắc công tác cảnh vệ như sau:

(1) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

(2) Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

(3) Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn kịp thời mọi âm mưu, hoạt động và hành vi, yếu tố khác xâm hại đến sự an toàn của đối tượng cảnh vệ;

(4) Dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội; kết hợp giữa hoạt động công khai và hoạt động bí mật để thực hiện công tác cảnh vệ;

(5) Bảo đảm sự chỉ huy, chỉ đạo tập trung thống nhất từ trung ương đến địa phương.

1.6. Về chính sách đối với lực lượng Cảnh vệ và công tác cảnh vệ (Điều 6)

Đây là quy định mới của Luật, Luật quy định Nhà nước xây dựng lực lượng Cảnh vệ cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và ưu tiên bảo đảm phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, kinh phí, khoa học và công nghệ; trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện kỹ thuật hiện đại đáp ứng yêu cầu công tác cảnh vệ.

1.7. Về chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ (Điều 7)

Kế thừa các quy định của Pháp lệnh, Luật quy định nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ theo quy định của pháp luật và giữ bí mật thông tin mà họ cung cấp đây là quy định mới so với Pháp lệnh; đồng thời Luật quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, thiệt hại về tài sản thì được đền bù; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

1.8. Về hợp tác quốc tế trong công tác cảnh vệ (Điều 8)

Đây là quy định mới của Luật, Luật quy định hoạt động hợp tác giữa lực lượng Cảnh vệ Việt Nam và nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam và trên lãnh thổ nước ngoài được thực hiện theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo thỏa thuận trực tiếp giữa Việt Nam với quốc gia có liên quan trên nguyên tắc có đi có lại, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Luật cũng quy định nội dung hợp tác bao gồm: trao đổi thông tin về công tác cảnh vệ; phối hợp triển khai thực hiện các biện pháp, chế độ cảnh vệ; huấn luyện, diễn tập nâng cao năng lực cảnh vệ, đào tạo kỹ năng về công tác cảnh vệ; hỗ trợ kỹ thuật, phương tiện chuyên dùng, vũ khí, trang bị phục vụ công tác cảnh vệ; thực hiện nội dung hợp tác khác.

1.9. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong công tác cảnh vệ (Điều 9)

Căn cứ vào phạm vi điều chỉnh của Luật và thực tiễn công tác công tác cảnh vệ trong thời gian qua, Luật quy định 8 nhóm hành vi bị nghiêm cấm đó là (1). Sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc sinh học, chất độc hóa học, chất phóng xạ, công cụ hỗ trợ hoặc yếu tố khác gây nguy hiểm, đe dọa xâm hại đến sự an toàn của đối tượng cảnh vệ. (2). Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng Cảnh vệ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ. (3). Gây mất an ninh, trật tự; tụ tập đông người trái pháp luật tại khu vực, mục tiêu cảnh vệ. (4). Làm lộ thông tin bí mật liên quan đến đối tượng

cảnh vệ, công tác cảnh vệ. (5). Làm giả, chiếm đoạt, mua bán, sử dụng trái phép, hủy hoại, làm sai lệch giấy tờ, tài liệu liên quan đến công tác cảnh vệ. (6). Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Cảnh vệ hoặc lợi dụng việc tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. (7). Phân biệt đối xử về giới trong công tác cảnh vệ. (8). Hành vi ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của đối tượng cảnh vệ; của cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ khi thực hiện nhiệm vụ; của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ.

Như vậy, so với Pháp lệnh, Luật quy định thêm nhiều nhóm hành vi bị nghiêm cấm.

2. Đối tượng cảnh vệ, biện pháp và chế độ cảnh vệ (Chương II)

2.1. Về đối tượng cảnh vệ (Điều 10)

Về cơ bản nội dung này được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của Điều 10 Pháp lệnh, tuy nhiên so với Pháp lệnh, Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau: đối với đối tượng là khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam, Luật bổ sung khách mời khác theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, trên cơ sở có đi có lại; bên cạnh đó, Luật quy định đối với đối tượng cảnh vệ là khu vực trọng yếu, cụ thể là: Bảo tàng Hồ Chí Minh, khu Di tích Phủ Chủ tịch, Quảng trường Ba Đình; Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ tại đường Bắc Sơn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội vào trong Luật. Đồng thời, Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định phạm vi cảnh vệ khu vực trọng yếu tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 3 Điều 10 của Luật. Bên cạnh đó, khoản 5 Điều 10 Luật Cảnh vệ quy định căn cứ tình hình an ninh chính trị trong từng giai đoạn, khi xét thấy cần thiết để bổ sung đối tượng cảnh vệ và việc áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ phù hợp với quy định tại các điều 11, 12, 13 và 14 của Luật Cảnh vệ, vấn đề này trước đây pháp lệnh giao cho Chính phủ quy định nay Luật giao Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.2. Một trong những điểm mới của chương này là quy định cụ thể các biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với từng nhóm đối tượng cảnh vệ tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện, đồng thời cũng bổ sung nhiều biện pháp và chế độ cảnh vệ, cụ thể như sau:

a) Về biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với người giữ chức vụ, chức danh cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 11), Luật quy định:

- Đối với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, được áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ sau đây: Bảo vệ tiếp cận; tuần tra, canh gác thường xuyên tại nơi làm việc và nơi ở; kiểm tra an ninh, an toàn đồ dùng, vật phẩm, phương tiện đi lại để phát hiện chất nổ, chất cháy, chất độc sinh học, chất độc hóa học, chất phóng xạ và vật nguy hiểm khác; kiểm nghiệm thức ăn, nước uống trước khi sử dụng; khi đi công tác bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường; đi bằng tàu hỏa được bố trí toa riêng, đi bằng tàu bay được sử dụng chuyên khoang hoặc chuyên cơ; đi bằng tàu thủy được sử dụng tàu, thuyền riêng có phương tiện dẫn đường, hộ tống bảo vệ và được bố trí lực lượng đi trước nắm tình hình, khảo sát để xây dựng, triển khai phương án bảo vệ; biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

- Đối với nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Thủ tướng Chính phủ, được áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ sau đây: Bảo vệ tiếp cận; canh gác thường xuyên tại nơi ở.

- Đối với Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, được áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ sau đây: Bảo vệ tiếp cận; canh gác thường xuyên tại nơi làm việc và nơi ở; khi đi công tác trong nước bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường trong trường hợp cần thiết; biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

- Đối với Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, được áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ sau đây: Bảo vệ tiếp cận; khi đi công tác trong nước bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường trong trường hợp cần thiết; biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

- Khi tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội phức tạp được tăng cường lực lượng và phương tiện bảo vệ đối tượng cảnh vệ.

b) Về biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam (Điều 12). Luật quy định:

- Đối với người đứng đầu Nhà nước, cơ quan lập pháp, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật và được bố trí phương tiện hộ tống theo nghi lễ đối ngoại của Nhà nước.

- Đối với cấp phó của người đứng đầu Nhà nước, cơ quan lập pháp, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 11 của Luật và khi đi bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường trong các hoạt động chính thức.

- Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Luật khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các biện pháp, chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật.

c) Về biện pháp cảnh vệ đối với khu vực trọng yếu (Điều 13), Luật quy định:

- Đối với khu vực làm việc của Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ, được áp dụng biện pháp cảnh vệ sau đây: Tuần tra, canh gác

thường xuyên; kiểm tra, kiểm soát người, đồ vật và phương tiện ra, vào khu vực; kiểm tra an ninh, an toàn trong trường hợp cần thiết; biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

- Đối với Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Khu di tích Phủ Chủ tịch, Quảng trường Ba Đình và Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ tại đường Bắc Sơn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, được áp dụng biện pháp cảnh vệ sau đây: tuần tra, canh gác thường xuyên; kiểm tra an ninh, an toàn trong trường hợp cần thiết; biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

d) Về biện pháp cảnh vệ đối với sự kiện đặc biệt quan trọng (Điều 14), Luật quy định:

- Căn cứ quy mô, tính chất, địa điểm và tình hình an ninh, trật tự tại thời điểm tổ chức sự kiện, đối tượng cảnh vệ quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật được áp dụng một hoặc các biện pháp cảnh vệ sau đây: Tuần tra, canh gác khu vực, địa điểm tổ chức; tạm đình chỉ các hoạt động giao thông trong khu vực, địa điểm tổ chức; kiểm tra an ninh, kiểm soát người, đồ vật, phương tiện ra, vào khu vực, địa điểm tổ chức; biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

- Đối với đại biểu khi tham dự sự kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 10 của Luật, được áp dụng biện pháp cảnh vệ sau đây: Tuần tra, canh gác nơi ở tập trung của đại biểu; kiểm tra an ninh, an toàn phương tiện đưa và đón đại biểu; kiểm tra thức ăn, nước uống, đồ vật, phương tiện ra, vào khu vực nơi ở tập trung của đại biểu; tổ chức lực lượng và phương tiện nghiệp vụ chuyên dùng khi đại biểu hoạt động tập thể với số lượng đông, nhiều đoàn đi bằng ô tô, tàu hỏa hoặc tàu thuyền; biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

3. Lực lượng Cảnh vệ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của lực lượng cảnh vệ và chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ (Chương III)

3.1. Về lực lượng Cảnh vệ (Điều 16)

Kế thừa quy định của Pháp lệnh, Luật quy định lực lượng Cảnh vệ được tổ chức tại Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, bao gồm: cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ thuộc Bộ Công an và cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ của Cục Bảo vệ an ninh Quân đội thuộc Bộ Quốc phòng, đồng thời giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tổ chức, biên chế, chức danh, trang bị của lực lượng Cảnh vệ.

3.2. Về điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn người vào lực lượng Cảnh vệ (Điều 17)

Kế thừa quy định tại Điều 14 Pháp lệnh, Luật quy định điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn người vào lực lượng Cảnh vệ như sau: công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam, nữ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, lý lịch rõ ràng và tự nguyện phục vụ lâu dài trong lực lượng Cảnh vệ; Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với tính chất đặc thù công tác cảnh vệ. Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tiêu chuẩn tuyển chọn người vào lực lượng Cảnh vệ.

3.3. Về nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ (Điều 18)

Các quy định về nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ trong Luật được kế thừa từ Pháp lệnh, tuy nhiên so với Pháp lệnh, lực lượng Cảnh vệ thuộc Bộ Công an được bổ sung các nhiệm vụ: Chủ động thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình liên quan đến việc bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác cảnh vệ và thực hiện hợp tác quốc tế về công tác cảnh vệ. Lực lượng Cảnh vệ thuộc Bộ Quốc phòng bổ sung nhiệm vụ Chủ động thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình liên quan đến việc bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ.

Điểm mới đáng chú ý của Luật là quy định rõ quyền hạn của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội, cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ trong khi thi hành nhiệm vụ cảnh vệ để tránh lạm quyền trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đồng thời bổ sung một số quyền hạn mới cho cán bộ, chiến sĩ cảnh

vệ để đáp ứng yêu cầu công tác cảnh vệ trong tình hình hiện nay, cụ thể Điều 20 của Luật quy định:

- Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ có quyền hạn sau đây: quyết định áp dụng, sử dụng biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác cảnh vệ và phối hợp, hỗ trợ lực lượng Cảnh vệ khi cần thiết; huy động người, phương tiện theo quy định tại Điều 22 của Luật; tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện giao thông hoặc hoạt động khác trên lãnh thổ Việt Nam khi có căn cứ xác định hoạt động này có thể gây nguy hại đến sự an toàn của đối tượng cảnh vệ; đề nghị tạm hoãn hoặc thay đổi chương trình làm việc, hoạt động của đối tượng cảnh vệ khi có căn cứ cho rằng hoạt động đó có thể gây nguy hại đến sự an toàn của đối tượng cảnh vệ; từ chối thực hiện yêu cầu không thuộc biện pháp và chế độ cảnh vệ theo quy định của pháp luật về cảnh vệ; tạm cấm đường xung quanh khu vực trọng yếu, khu vực diễn ra sự kiện đặc biệt quan trọng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10 của Luật; xung quanh nơi ở và địa điểm hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế trong trường hợp cần thiết; thực hiện quyền khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia.

- Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội có quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và h khoản 1 Điều 20 của Luật.

- Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ có quyền hạn sau đây: Sử dụng biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; được sử dụng VK, VLN, CCHT theo quy định của Luật này và Luật QL, SDVK, VLN, CCHT; Giấy bảo vệ đặc biệt, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và tín hiệu của xe ưu tiên; được mang theo vũ khí, phương tiện kỹ thuật, công cụ hỗ trợ vào cảng hàng không và lên tàu bay; kiểm tra, kiểm soát người, đồ vật mang theo, phương tiện ra, vào khu vực, mục tiêu cảnh vệ; tạm giữ người, đồ vật mang theo, phương tiện ra, vào khu vực, mục tiêu cảnh vệ khi có căn cứ cho rằng người, đồ vật, phương tiện đó có nguy cơ gây nguy hại đến sự an toàn của đối tượng cảnh vệ; huy động người, phương tiện theo

quy định tại Điều 22 của Luật; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, giúp đỡ để bảo đảm an toàn cho đối tượng cảnh vệ trong mọi tình huống.

- Việc quyết định áp dụng, sử dụng biện pháp quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm e khoản 3 Điều 20 của Luật phải bằng văn bản; trường hợp do yêu cầu cấp bách thì người thực hiện nhiệm vụ có thể quyết định bằng lời nói trực tiếp, nhưng ngay sau đó phải ra quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền bằng văn bản. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

3.4. Về quy định nổ súng khi thi hành nhiệm vụ (Điều 21),

Trước khi ban hành Luật, các trường hợp được nổ súng trong khi thi hành nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ được quy định tại Nghị định số 128/2006/NĐ-CP ngày 27/10/2006 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh vệ, nay các trường hợp được nổ súng được quy định ngay trong Luật để phù hợp với quy định tại Hiến pháp năm 2013 về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và phù hợp với đặc thù của công tác cảnh vệ. Theo đó, trên cơ sở nguyên tắc và các trường hợp nổ súng được quy định tại Luật QL, SDVK, VLN, CCHT, Luật quy định cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ trong khi thi hành nhiệm vụ chỉ được nổ súng trong các trường hợp sau đây:

- Cảnh báo đối tượng đang đột nhập vào khu vực, mục tiêu cảnh vệ
- Nổ súng vào đối tượng đang đột nhập vào khu vực, mục tiêu cảnh vệ, sau khi đã ra hiệu lệnh dừng lại và bắn chỉ thiên nhưng không hiệu quả.
- Vô hiệu hóa đối tượng đang có hành vi tấn công trực tiếp đối tượng cảnh vệ hoặc cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ đang thực hiện nhiệm vụ
- Trường hợp nổ súng khác quy định tại Luật QL, SDVK, VLN, CCHT.

3.5. Về huy động người, phương tiện để thực hiện công tác cảnh vệ (Điều 22)

Để bảo đảm đồng bộ với Luật Công an nhân dân, Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản, Luật quy định:

- Trong trường hợp cấp bách, để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ, cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ được huy động người, phương tiện thông tin, phương tiện giao thông, phương tiện khác và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện đó, trừ trường hợp phương tiện thuộc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

- Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ huy động người, phương tiện có trách nhiệm hoàn trả phương tiện ngay sau khi trường hợp cấp bách chấm dứt. Nếu người được huy động làm nhiệm vụ mà bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật; trường hợp phương tiện được huy động bị mất mát, hư hỏng thì cơ quan có cán bộ, chiến sĩ huy động phải đền bù theo quy định của pháp luật.

3.6. Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ (Điều 23)

Kế thừa quy định của Pháp lệnh, Luật quy định cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và được hưởng phụ cấp đặc thù, trợ cấp, hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác cảnh vệ (Chương IV)

Kế thừa các quy định của Pháp lệnh, Luật quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác cảnh vệ trong từng điều, đồng thời bổ sung nội dung quy định về trách nhiệm của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để đảm bảo sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất cho công tác cảnh vệ, cụ thể như sau:

- *Về trách nhiệm của Chính phủ (Điều 24)*, Luật quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác cảnh vệ; Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác cảnh vệ.

- *Về trách nhiệm của Bộ Công an (Điều 25)*, Luật quy định: (1). Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ. (2). Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về cảnh vệ. (3). Phổ biến, giáo dục pháp luật về cảnh vệ. (4). Chỉ đạo các đơn vị thuộc lực lượng Công an nhân dân tổ chức thực hiện công tác cảnh vệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hướng dẫn nghiệp vụ cảnh vệ, quy định về mẫu, quản lý, sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt cho lực lượng Cảnh vệ thuộc Bộ Công an và lực lượng Cảnh vệ thuộc Bộ Quốc phòng. (5). Tổ chức bộ máy, trang bị phương tiện, đào tạo cán bộ làm công tác cảnh vệ thuộc Bộ Công an; tổ chức sơ kết, tổng kết, nghiên cứu khoa học về công tác cảnh vệ. (6). Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện công tác cảnh vệ. (7). Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ thuộc Bộ Công an. (8). Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về cảnh vệ. (9). Quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế trong công tác cảnh vệ, theo đó, phối hợp với cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài và các lực lượng chức năng của nước sở tại bảo vệ an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ trong thời gian hoạt động ở nước đó; thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế với nước ngoài trong công tác cảnh vệ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

- *Về trách nhiệm của Bộ Quốc phòng (Điều 26)*, Luật quy định: (1). Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ do Quân đội đảm nhiệm. (2). Quản lý lực lượng Cảnh vệ và công tác cảnh vệ trong Quân đội. (3). Phổ biến, giáo dục pháp luật về cảnh vệ trong Quân đội. (4). Tổ chức bộ máy, trang bị phương tiện, đào tạo cán bộ làm công tác cảnh vệ thuộc Bộ Quốc phòng. (5). Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ thuộc Bộ Quốc phòng. (6). Phối hợp với Bộ Công an trong công tác cảnh vệ.

- *Về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Điều 27)*, Luật quy định các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có

trách nhiệm: (1). Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định của pháp luật về cảnh vệ. (2). Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về cảnh vệ tại cơ quan mình. (3). Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong quản lý nhà nước về công tác cảnh vệ.

- *Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 28)*, Luật quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: (1). Triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về công tác cảnh vệ tại địa phương. (2). Chỉ đạo cơ quan trực thuộc phối hợp với lực lượng Cảnh vệ để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ hoạt động tại địa phương. (3). Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về cảnh vệ tại địa phương.

- *Về trách nhiệm của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 29)*, Luật quy định Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: Thực hiện theo sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ công tác cảnh vệ và tổ chức thực hiện chỉ thị, mệnh lệnh công tác cảnh vệ của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ. Tổ chức phối hợp với lực lượng Cảnh vệ và cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện công tác cảnh vệ trên địa bàn. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ tại địa phương được sử dụng biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; tạm cấm đường xung quanh khu vực diễn ra sự kiện đặc biệt quan trọng, xung quanh nơi ở và địa điểm hoạt động của đối tượng cảnh vệ ở địa phương trong trường hợp cần thiết.

- *Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 30)*, Luật quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm: (1). Cung cấp kịp thời cho cơ quan, người có thẩm quyền thông tin, tài liệu liên quan đến công tác cảnh vệ. (2). Thực hiện yêu cầu của lực lượng Cảnh vệ để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ. (3). Chấp hành quyết định, yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại Điều 20 của Luật.

5. Về khen thưởng và xử lý vi phạm (Chương V)

Đây là chương mới của Luật so với Pháp lệnh, quy định cụ thể về khen thưởng và xử lý vi phạm, phù hợp với đặc thù của công tác cảnh vệ, cụ thể như sau:

- *Về khen thưởng (Điều 31)*, Luật quy định cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ có thành tích trong chiến đấu, công tác thì được xét tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ khi có thành tích thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

- *Về xử lý vi phạm (Điều 32)*, Luật quy định cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng của người khác, tài sản hoặc lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi chống đối, cản trở hoạt động của lực lượng Cảnh vệ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ hoặc hành vi vi phạm khác thì tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

V. HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Đối với Bộ Công an

- Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cảnh vệ.

- Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về cảnh vệ cho nhân dân để hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ.

- Hướng dẫn nghiệp vụ cảnh vệ, quy định về mẫu, quản lý, sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt cho lực lượng cảnh vệ thuộc Bộ Công an và lực lượng cảnh vệ thuộc Bộ Quốc phòng

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ thuộc Bộ Công an

2. Đối với Bộ Quốc phòng

- Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về cảnh vệ trong hệ thống quân đội.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Cảnh vệ tại địa phương mình.

- Tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung của Luật Cảnh vệ tại địa phương.